TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 26-9-2022.
V/v *Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng dân sự, tranh chấp đòi lại tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Công Lý.

- Ông Ngô Văn Tân.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng dân sự, tranh chấp đòi lại tài sản. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2022/QĐXXST-DS ngày 11/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1958.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đ: Ông Thạch Đông P, sinh năm 1990. (ông P có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ liên hệ: số XX, đường XX, ấp S, xã T, huyện C, TP.Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Thạch H, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Thạch Đông P, sinh năm 1990. (ông P có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ liên hệ: số XX, đường XX, ấp S, xã T, huyện C, TP.Hồ Chí Minh.

2. Ông Ngô Kim Y, sinh năm 1956. (có mặt)

3. Bà Thạch Thị Pho L, sinh năm 1960. (vắng mặt)

4. Ông Ngô Khánh N, sinh năm 1981. (vắng mặt)

5. Ông Ngô Khánh D, sinh năm 1983. (vắng mặt)

6. Ông Ngô Khánh B, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số XX, đường XX, khóm A, phường B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

7. Bà Trà Thị Thùy T, sinh năm 1979. (vắng mặt)

8. Ông Lý Văn A, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện H, Sóc Trăng.

9. Ông Trà Văn B1, sinh năm 1978. (vắng mặt)

10. Ông Thạch P1, sinh năm 1954. (vắng mặt)

11. Bà Danh Thị L1, sinh năm 1963.(có mặt)

Cùng địa chỉ ấp L, xã T, huyện H, Sóc Trăng.

12. Ông Thạch Chanh T1, sinh năm 1964. (vắng mặt)

13. Ông Thạch Đuông Đô R, sinh năm 1962. (vắng mặt)

14. Bà Thạch Mô Ni Ô M, sinh năm 1967. (vắng mặt)

15. Bà Thạch Xua Ra Đ2, sinh năm 1974. (vắng mặt)

16. Ông Thạch Na R1, sinh năm 1965. (vắng mặt)

17. Ông Thạch Chanh Rét Sa M1. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ ấp L, xã T, huyện H, Sóc Trăng.

18. Ông Thạch Săng M2, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Trú ấp K, xã T, huyện H, Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2019 của nguyên đơn bà Phạm Thị Đ cũng như tại phiên toà sơ thẩm, đại diện ủy quyền nguyên đơn là ông Thạch Đông P trình bày:

Bà Đ và ông H là vợ chồng, đã ly hôn tại Toà án ngày 13/9/2019, chỉ giải quyết về hôn nhân, chưa chia tài sản chung. Tài sản chung gồm:

- Thửa 351, có một căn nhà trên đất, nhà và đất hiện bỏ trống không Yi ở, nhà xây dựng từ năm 2015, đất do ông Ngô Kim Y đứng tên.

- Thửa đất ruộng gồm: 118, 119, 194 đều có nguồn gốc là do ông H, bà Đ chuyển nhượng, thửa 118,119 do ông Ngô Kim Y đứng tên, còn thửa 194 là ông Thạch S, hiện đất này ông H cố cho bà T, bà T cho em là B1 sử dụng.

- Thửa 730 đất ở do ông H đứng tên, nguồn gốc đất được cha mẹ ông H cho, ông H đứng tên, đất này hiện ông H đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà L1, ông P1.

Toàn bộ tài sản chung do ông H quản lý, ông H cho rằng đã đưa bà số tiền 300.000.000 đồng, thoả thuận toàn bộ đất đai, nhà cửa thuộc quyền sử dụng của ông H là không đúng, ông H không có đưa tiền cho bà, bà với ông H cũng không có thoả thuận chia tài sản, sau khi ly hôn bà yêu cầu chia tài sản nhưng ông H không đồng ý nên bà mới khởi kiện.

Năm 2002 giữa ông Y với gia đình bà xảy ra tranh chấp đất ở tại thửa 351 và các thửa đất ruộng ông Y đứng tên, Toà án đã giải quyết ông H được sử dụng đất ở thửa 351 và được sử dụng 05 công ruộng, ông Y được sử dụng 05 công ruộng nhưng bà Đ và ông H chưa giao trả 05 công đất ruộng cho ông Y, nay đất đã bị mất do múc kênh, ông Y yêu cầu giao trả phần đất còn lại 3.084,8m^2 thửa 118 là bà Đ đồng ý, ngoài ra ông Y cho rằng bà Đ và ông H còn nợ 1.000kg lúa và ông H thoả thuận đổi nền thổ cư 730 với ông Y là bà không đồng ý, trước đây là bà Đ đã giao cho ông H trả đủ 4.000kg lúa trả cho ông Y, ông H không có nói thoả thuận đổi đất, nhưng nay ông Y cho rằng còn nợ 1.000kg lúa là bà Đ vẫn đồng ý chia đôi số nợ, bà trả cho ông Y 500kg lúa, theo giá lúa thị trường hiện nay là 6.000 đồng/kg.

Bà Đ yêu cầu chia đôi tài sản chung, cho bà Đ được nhận nhà và đất tại thửa 351.

- *Bị đơn ông Thạch Phép khai:* Không đồng ý chia tài sản, lý do:

Bà Đ có giữ số tiền 300.000.000 đồng, trước đây vợ chồng nợ Ngân hàng nên cố 24 công đất (không phải đất hiện tranh chấp) để trả nợ, bà Đ lấy 300.000.000 đồng tiền cố cất mà không trả Ngân hàng, khi Ngân hàng đòi thì ông và bà Đ bán luôn 24 công đất trên để trả nợ, khi ly hôn có thống nhất bà Đ hưởng số tiền 300.000.000 đồng đã giữ, còn ông hưởng toàn bộ đất.

Đất bà Đ yêu cầu chia có nguồn gốc ông mua bằng tiền riêng của ông, từ nguồn tiền ông bán 03 công đất mà cha của ông đã cho vào năm 1983.

Thửa 351, 118, 119 là ông mua của ông Y, giữa ông và ông Y xảy ra tranh chấp, Toà án giải quyết bằng quyết định công nhận thoả thuận năm 2002.

Ngoài ra theo kết quả thẩm định đất tranh chấp còn có thêm thửa 194 là đất ông mua của ông Thạch S (đã chết), cũng mua bằng tiền riêng của ông.

Hiện thửa 118,119, 194 ông cố cho chị T số tiền 180.000.000 đồng, chị T cho người anh tên B1 sử dụng.

Thửa 730 ông bán cho bà L1, ông P1 năm 2017 giá 10 chỉ vàng 24K.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Ngô Kim Y trình bày:

Thửa 118,119, 351 do ông Y đứng tên, trong đó thửa 119 là của ông H, ông chỉ đứng tên dùm, năm 2002 ông và ông H tranh chấp thửa 98, 118 và 351 được Toà án giải quyết bằng quyết định công nhận thoả thuận, ông H đã thi hành trả cho ông 3.000kg lúa và 14 chỉ vàng, còn lại 1.000kg lúa thoả thuận ông H giao cho ông đất thổ cư của ông H, thửa 730, Uỷ ban xã có lập biên bản hoà giải ngày 30/12/2004 nhưng ông H không thực hiện.

Ngoài ra theo quyết định năm 2002 của Toà án là thửa 98, 118 chia đôi mỗi người 05 công, ông H phải giao trả ông 05 công đất nhưng ông H cũng không giao trả.

Hiện nay vợ chồng ông H tranh chấp chia tài sản, ông Y yêu cầu ông H giao trả diện tích 3.084,8m^2 thửa 118, không yêu cầu đủ 05 công như quyết định của Toà án vào năm 2002, lý do hiện trạng đất không còn như xưa, đất bị mất do múc kênh, ngoài ra yêu cầu ông H giao trả đất đổi tại thửa 730, nếu Toà án không chấp nhận đổi đất thì yêu cầu phải trả số lúa còn nợ, giá lúa thị trường hiện nay là 6.000 đồng/kg.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Pho L khai: Bà là vợ ông Y, bà thống nhất ý kiến ông Y.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trà Thị Thuỳ T khai:

Ông H có cố cho bà T 09 công đất tổng số tiền 180.000.000 đồng, cố ngày 06/5/2019, có làm giấy tay, hiện đất bà T cho ông Trà Văn B1 thuê. Bà yêu cầu nếu chia đất thì ông H phải trả cho bà tiền cố đất.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trà Văn B1 khai: Ông là anh ruột bà T, lý do canh tác đất là bà T cho ông thuê theo năm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Thạch P1 khai: ông với bà L1 là vợ chồng, có chuyển nhượng của ông H thửa 730 diện tích 1.456m^2, giá 10 chỉ, đã trả cho ông H 09 chỉ vàng 24K. ông H có nói sau khi giải quyết tranh chấp tài sản xong sẽ làm thủ tục sang tên cho ông, ông không yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng đất với ông H, khi nào có yêu cầu sẽ khởi kiện sau.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Danh Thị L1 trình bày: Bà chuyển nhượng đất của ông H 10 chỉ vàng 24K, đã trả cho ông H 09 chỉ, chuyển nhượng chỉ có làm giấy tay với ông H, không có mặt bà Đ, có thoả thuận còn lại một chỉ khi nào ông H làm quyền sử dụng cho vợ chồng bà thì trả một chỉ còn lại.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ ông Ngô Kim Y gòm ông Ngô Khánh N, ông Ngô Khánh D, ông Ngô Khánh B là các con của ông Y không có văn bản trình bày ý kiến.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Chanh T1, ông Thạch Đuông Đô R, bà Thạch Mô Ni Ô M, bà Thạch Xua Ra Đ2 khai:

Ông T1, ông Đô R, bà Ô M, bà Đ2 đều thống nhất trình bày cách nay khoảng hơn 20 năm ông S là cha có chuyển nhượng cho ông H 2 – 3 công ruộng, không biết có làm giấy tờ gì không, không biết đất ai đứng tên. Nay không có ý kiến vì đất đã chuyển nhượng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Thạch Na R1 và ông Thạch Săng M2, ông Thạch Chanh Rét Sa M1 không có lời khai.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia đôi tài sản chung cho bà Đ và ông H mỗi người một phần như nhau. Đối với yêu cầu của ông Ngô Kim Y có căn cứ chấp nhận phần yêu cầu đòi lại đất tại thửa 118, còn yêu cầu đổi đất tại thửa 730 không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc ông H, bà Đ mỗi người có nghĩa vụ trả cho ông Y 500kg lúa, tương đương số tiền 3.000.000 đồng/người. Đối với việc chuyển nhượng đất giữa ông H với vợ chồng ông P1, việc cầm cố đất giữa ông H với vợ chồng bà T không xem xét, do các đương sự không có đơn yêu cầu độc lập, khi nào có tranh chấp có quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Toà án tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập tham gia phiên toà đúng theo quy định của pháp luật, đây là phiên toà lần thứ hai nhưng tại phiên toà hôm nay chỉ có người đại diện uỷ quyền của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Kim Y, bà Danh Thị L1 có mặt, còn lại bị đơn ông Thạch Phép và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người nêu trên.

[2] Xét nguyên đơn bà Phạm Thị Đ khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, bà Đ yêu cầu chia đôi tài sản chung và cho bà được nhận nhà, đất tại thửa 351, bị đơn ông H không đồng ý chia tài sản chung cho bà Đ, lý do cho rằng đã chia cho bà Đ giữ số tiền 300.000.000 đồng, đồng thời cho rằng tài sản thuộc sở hữu riêng của ông vì ông chuyển nhượng từ tiền riêng. Hội đồng xét xử xét thấy phần đất tranh chấp giữa bà Đ và ông H đều là tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, bà Đ không thừa nhận việc vợ chồng đã phân chia tài sản và bà giữ số tiền 300.000.000 đồng như ông H trình bày, ông H

cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh tài sản riêng, mặc khác thời điểm ông H, bà Đ chung sống với nhau là vào năm 1986, đây là thời kỳ áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, theo đó luật quy định vợ chồng có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đ về việc yêu cầu chia đôi tài sản chung.

[3] Xét yêu càu của ông Ngô Kim Y yêu cầu trả lại diện tích đất 3.084,8m^2 thửa 118, bà Đ đồng ý, ông H không có ý kiến, căn cứ Quyết định công nhận thoả thuận số 23/QĐ/CNTT ngày 24/06/2002, giữa các bên đã có thoả thuận ông H trả lại 05 công đất, tuy nhiên đến nay hiện trạng đất không còn đủ diện tích, ông H chưa thực hiện trả đất, nay đã hết thời hiệu thi hành án, căn cứ án lệ số 50/2021/AL của Toà án nhân dân Tối cao về quyền khởi kiện vụ án đòi lại tài sản của người được giao tài sản theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đòi lại đất của ông Y, buộc ông H, bà Đ trả cho ông Y diện tích đất 3.084,8m^2 thửa 118. Đối với yêu cầu chấp nhận việc thoa thuận đổi 1.000kg lúa, đổi thửa 730 là Hội đồng xét xử không chấp nhận, lý do các đương sự thực hiện thoả thuận chưa đúng thủ tục pháp luật quy định. Vì vậy Hội đồng xét xử chỉ buộc ông H và bà Đ trả 1.000kg lúa, mỗi người trả ông Y 500kg lúa.

[4] Như vậy tài sản tranh chấp qua kết quả thẩm định, định giá được xác định là tài sản chung gồm có: một căn nhà trên thửa đất 351, nhà của ông H và bà Đ, có giá trị là 321.137.400 đồng. Thửa 351 diện tích thực tế 2.328,8m^2 (gồm phần diện tích 2.269m^2 và 59,8m^2), tuy nhiên phần đất 59,8m^2 theo công văn Uỷ ban huyện trả lời là đất bãi bồi ven sông do nhà nước quản lý sử dụng, không xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên Hội đồng xét xử xác định diện tích đất được xem xét giải quyết là phần diện tích 2.269m^2, có giá trị là 113.915.000 đồng. Thửa 730 diện tích thực tế 1.173,4m^2, có giá là 64.936.000 đồng. Thửa 118 diện tích thực tế 4.340m^2 có giá là 151.900.000 đồng. Thửa 119 diện tích thực tế 4.125m^2, có giá là 144.375.000 đồng. Thửa 194 diện tích thực tế 5.132m^2, có giá 179.620.000 đồng. Cây trồng, trên thửa 351 tổng trị giá 7.170.000 đồng, cây trồng trên thửa 118, 119, 194 tổng giá trị: 12.468.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung là: 995.521.400 đồng.

[5] Căn cứ Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, tài sản chung chia đôi, Hội đồng xét xử thống nhất chia đôi, mỗi bên hưởng tài sản giá trị tương đương 497.760.700 đồng.

[6] Giao cho bà Đ được sở hữu nhà, đất, cây trồng thửa 351 trị giá 442.222.400 đồng + 1.500m^2 đất ruộng thửa 118 trị giá 52.500.000 đồng, tổng là 494.722.400 đồng. Giao cho ông H sở hữu thửa 730 diện tích1.173,4m^2, thửa 118 diện tích 2.840m^2, thửa 119 diện tích 4.125m^2, 194 diện tích 5.132m^2 và cây trồng trên đất (gồm cây trồng trên đất chia cho ông H và cây trồng trên đất buộc trả cho ông Y), trị giá 500.799.000 đồng. Ông H có nghĩa vụ thoái trả giá trị chênh lệch tài sản cho bà Đ 3.038.300 đồng.

[7] Đối với phần cây trồng trên diện tích đất 3.084,8m^2, thuộc thửa 118 giao trả ông Y là ông Y được quyền sở hữu, ông Y có nghĩa vụ thoái trả giá trị bằng tiền cho ông H, do ông H được chia như mục [6] đã nêu.

[8] Đối với các giao dịch cầm cố đất, chuyển nhượng đất giữa các đương sự ông H, bà T, ông A, ông P1, bà L1 không ai có đơn yêu cầu độc lập nên Toà án không đặt ra xem xét, khi nào có tranh chấp có quyền khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

[9] Chi phí thẩm đinh, định giá tổng cộng 19.949.300, bà Đ và ông H mỗi người có nghĩa vụ nộp 9.974.650 đồng.

[10] Án phí: Các đương sự được miễn án phí do là người cao tuổi.

[11] Tại phiên toà, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của vị Kiểm sát viên như đã nêu trên là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 35, Điều 37, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 502 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; án lệ số 50/2021/AL, được công bố theo Quyết định số 594/QĐ-CA ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; điểm đ khoản1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chia cho bà Phạm Thị Đ được quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản bao gồm:

- Thửa 351, diện tích đo đạc thực tế 2.269m^2, loại đất T+CLN, tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp lộ đal, có số đo 18m,

+ Hướng Tây giáp thửa 320, 321, có số đo 34m,

+ Hướng Nam giáp thửa 350, có số đo 52,2m + 12,7m + 28,3m,

+ Hướng Bắc giáp thửa 352, có số đo 78,7m.

- Thửa 118, diện tích 1.500m^2, loại đất LUA, tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp phần đất còn lại thửa 118, có số đo 76,05m,

+ Hướng Tây giáp thửa 117, có số đo 33,1m,

+ Hướng Nam giáp thửa 119, có số đo 27,5m,

+ Hướng Bắc giáp kênh, có số đo 50,55m.

- Căn nhà trên thửa đất 351, cụ thể nhà chính có diện tích 112,2m^2, ngang trước 5,4m, dài bên phải 17m, bên trái 10,6m + 6,3m, ngang sau 7,9m, kết cấu cột bê tông cốt thép, tường 10, mái tôn kẽm, trần âm aminhan, nền gạch

ceramic, cửa nhôm + kính + cửa sắt. Nhà phụ diện tích 35,55m^2, ngang 7,9m, dài 4,5m, cột bê tông cốt thép, kèo bê tông cốt thép, đòn tay sắt, mái tôn xi măng, nền xi măng, vách thiếc.

- Cây trồng trên thửa đất 351, bao gồm: 02 cây mít, 05 cây mãng cầu, 01 cây nhãn, 07 cây dừa, 01 cây táo, 01 cây chanh, 32 cây tràm.

- Số tiền 3.038.300 đồng (do ông Thạch Phép thoái trả giá trị chênh lệnh tài sản được chia).

2. Chia cho ông Thạch Phép được quyền sở hữu, quyền sử dụng các tài sản bao gồm:

- Thửa 730, diện tích đo thực tế 1.173,4m^2, loại đất T+CLN, tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng, Uỷ ban nhân dân huyện Thạnh Trị cấp cho hộ ông Thạch Phép đứng tên, cấp ngày 13/02/1996, số vào sổ cấp giấy số 00228, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 731, có số đo 37,3m,

+ Hướng Tây giáp thửa 729, có số đo 31,6m,

+ Hướng Nam giáp thửa 765, 764, có số đo 33,5m,

+ Hướng Bắc giáp sông, có số đo 35,2m.

- Thửa 118, diện tích 2.840m^2, loại đất LUA, tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 915, có số đo 122,3m,

+ Hướng Tây giáp phần đất còn lại thửa 118, có số đo 76,05m,

+ Hướng Nam giáp thửa 119, có số đo 28m,

+ Hướng Bắc giáp kênh, có số đo 54,45m.

- Thửa 119, diện tích 4.125m^2, loại đất Hg/đb, tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 915, 120, có số đo 75m,

+ Hướng Tây giáp thửa 117, có số đo 75m,

+ Hướng Nam giáp thửa 194, có số đo 54,5m,

+ Hướng Bắc giáp thửa 118, có số đo 55,5m.

- Thửa 194, diện tích 5.132m^2, loại đất LUA, tờ bản đồ số 02, toạ lạc ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng, do ông Thạch S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp số124/D328668, tứ cận như sau:

+ Hướng Đông giáp thửa 120, có số đo 95,2m,

+ Hướng Tây Tây giáp thửa 117, 196, có số đo 95,2m,

+ Hướng Nam giáp thửa 193, có số đo 53,3m,

+ Hướng Bắc giáp thửa 119, có số đo 54,5m.

- Cây trồng trên phần đất tại thửa 118,119,194 gồm: 19 cây bạch đàn, 40 buội chuối.

- Số tiền 9.848.000 đồng do ông Ngô Kim Y và bà Thạch Thị Pho L thoái trả giá trị cây trồng cho ông Thạch Phép.

3. Buộc ông Thạch Phép có nghĩa vụ thoái trả bà Đ tiền chênh lệch giá trị tài sản được chia, số tiền thoái trả là 3.038.300 đồng.

4. Buộc bà Phạm Thị Đ, ông Thạch Phép giao trả đất cho ông Ngô Kim Y, bà Thạch Thị Pho L tại thửa đất số 118, diện tích 3.084,8m^2, loại đất LUA, toạ lạc ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng, tứ cận như sau:

- Hướng Đông là một điểm (ngay gốc tiếp giáp giữa hai con kênh).

- Hướng Tây giáp thửa 117, có số đo 139,5m,

- Hướng Nam giáp kênh, có số đo 87,5m,

- Hướng Bắc giáp kênh, có số đo 77,8m.

Ông Ngô Kim Y, bà Thạch Thị Pho L được sở hữu toàn bộ cây trồng trên phần đất được quyền sử dụng nêu trên gồm: 24 cây tràm, 01 cây tai tượng, 230 cây chanh, 50 cây dừa, 50 cây bưởi, 48 cây mít.

Buộc ông Ngô Kim Y, bà Thạch Thị Pho L có nghĩa vụ thoái trả giá trị cây trồng cho ông Thạch Phép, số tiền là 9.848.000 đồng.

5. Buộc ông Thạch Phép, bà Phạm Thị Đ mỗi người trả cho ông Y và bà L 500kg lúa, tương đương số tiền mỗi người trả là 3.000.000 đồng.

6. Các thửa đất số 351, 118, 119 chia cho bà Đ, ông H và thửa 118 buộc bà Đ, ông H giao trả cho ông Y, bà L đều thuộc tờ bản đồ số 02, đất toạ lạc ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Sóc Trăng, do hộ ông Ngô Kim Y đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (hiện nay giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã bị huỷ bỏ theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 của Uỷ ban nhân dân huyện Thạnh Trị).

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án không chịu thi hành trả tiền cho người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi chậm trả, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

8. Chi phí thẩm đinh, định giá tổng cộng 19.949.300, bà Đ và ông H mỗi người có nghĩa vụ nộp 9.974.650 đồng, bà Đ đã nộp tạm ứng trước, số tiền ông H nộp được hoàn trả lại cho bà Đ.

9. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự đều được miễn án phí.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trịnh Thị Bích Phượng